

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1¹

(Trích *Chương trình GDPT môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tr.18 – 21))

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC – Ngồi (hoặc đứng) thẳng lưng; sách, vở mở rộng trên mặt bàn (hoặc trên hai tay). Giữ khoảng cách giữa mắt với sách, vở khoảng 25cm. – Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). – Đọc đúng và rõ ràng đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Tốc độ đọc khoảng 40 – 60 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu hay ở chỗ kết thúc dòng thơ. – Bước đầu biết đọc thầm. – Nhận biết được bìa sách và tên sách. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung – Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. – Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ. Đọc hiểu hình thức – Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của GV.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1.1. Âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh 1.2. Quy tắc chính tả phân biệt: <i>c</i> và <i>k</i> , <i>g</i> và <i>gh</i> , <i>ng</i> và <i>ngh</i> 1.3. Quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng 2.1. Vốn từ theo chủ điểm 2.2. Từ có nghĩa giống nhau 3.1. Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gần gũi 3.2. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu 4.1. Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường 4.2. Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép

¹ Chương trình là căn cứ để GV tiến hành các hoạt động giáo dục. Vì vậy, tuy GV có thể có hoặc lấy chương trình từ một nguồn khác, tác giả vẫn đưa vào đây để giúp GV thuận lợi hơn trong việc sử dụng các nguồn học liệu.

– Nhận biết được lời nhân vật trong truyện dựa vào gợi ý của GV.

– Bước đầu nhận biết được vần trong thơ.

Liên hệ, so sánh, kết nối

– Liên hệ được tranh minh hoạ với các chi tiết trong văn bản đã phương thức.

– Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao.

Đọc mở rộng

– Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản văn học có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

– Thuộc lòng 4 – 5 đoạn thơ hoặc bài thơ đã học, mỗi đoạn thơ, bài thơ có độ dài khoảng 30 – 40 chữ.

Văn bản thông tin

– Văn bản thông tin

Đọc hiểu nội dung

– Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về các chi tiết nổi bật trong văn bản.

– Trả lời được câu hỏi: “Văn bản này viết về điều gì?” với sự gợi ý, hỗ trợ.

Đọc hiểu hình thức

– Nhận biết được trình tự của các sự việc trong văn bản.

– Hiểu nghĩa của một số tín hiệu đơn giản, gắn gũi với HS.

Đọc mở rộng

Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 văn bản thông tin có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

5. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Câu chuyện, bài thơ

2. Nhân vật trong truyện

3. Vần trong thơ

NGỮ LIỆU

1.1. Văn bản văn học

– Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn, truyện tranh, đoạn văn miêu tả

– Đoạn thơ, bài thơ (gồm cả đồng dao)

Độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 – 130 chữ, thơ khoảng 50 – 70 chữ

1.2. Văn bản thông tin: giới thiệu những sự vật, sự việc gắn gũi với HS

Độ dài của văn bản: khoảng 90 chữ

2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý

3. Các từ ngữ có ý nghĩa tích cực, phù hợp với HS lớp 1

VIẾT

KĨ THUẬT VIẾT

– Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc trên mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa).

– Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa.

– Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ c, k, g, gh, ng, ngh.

– Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 35 chữ theo các hình thức nhìn – viết (tập chép), nghe

– viết. Tốc độ viết khoảng 30 – 35 chữ trong 15 phút.

VIẾT CÂU, ĐOẠN VĂN NGẮN

Quy trình viết

– Bước đầu trả lời được những câu hỏi như: Viết về ai? Viết về cái gì, việc gì?

Thực hành viết

– Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– Điền được vào phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý.

– Điền được phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.

NÓI VÀ NGHE

Nói

– Nói rõ ràng, thành câu. Biết nhìn vào người nghe khi nói.

– Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi.

– Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

– Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý.

– Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh họa và lời gợi ý dưới tranh).

Nghe

– Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ.

– Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

– Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu?

Nói nghe tương tác

– Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu.

– Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản.